

CHIẾN LƯỢC ĐỐI NGOẠI CỦA NHẬT BẢN TRONG NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

TS. Hồ Châu

Học viện CTQG Hồ Chí Minh

I. BỐI CẢNH RA ĐỜI CHIẾN LƯỢC ĐỐI NGOẠI MỚI CỦA NHẬT BẢN

Phần lớn các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước phát triển rất coi trọng nghiên cứu tình hình quốc tế để kịp thời điều chỉnh chiến lược đối ngoại nhằm tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc phát triển đất nước. Nhật Bản là một trong những quốc gia rất quan tâm đến điều này.

Từ sau chiến tranh lạnh đến nay, trong bối cảnh làn sóng toàn cầu hoá phát triển, khoa học kỹ thuật, lực lượng quân sự cũng đều tăng lên đáng kể, tình hình quốc tế thay đổi sâu sắc. Liên Xô giải thể, Mỹ trở thành siêu cường duy nhất, EU đang hướng tới trở thành một cực trên thế giới, Trung Quốc bùng lên mạnh mẽ, v.v. tất cả đó đều là những thay đổi sâu sắc. Tình hình thay đổi mang lại những tác động nhiều mặt. Trên lĩnh vực đối ngoại, ảnh hưởng lớn nhất được thể hiện bằng việc các nước lớn đều đã điều chỉnh chiến lược phát triển và chiến lược đối ngoại của mình.

Tại khu vực Đông Á, Nhật Bản là một trong những quốc gia bám sát những thay đổi đó và đã sớm điều chỉnh chiến lược đối ngoại trung và dài hạn của mình. Năm 1991, sau chiến tranh Vùng Vịnh, Nhật Bản đã xem xét lại chính sách ngoại giao của mình. Sau đó, do tình hình kinh tế trì trệ kéo

dài, dư luận trong nước bắt đầu nghi ngờ, phê phán chính sách đối ngoại của Nhật Bản là thiếu tính chiến lược, không mang lại kết quả thực tế. Đồng thời, yêu cầu Chính phủ phải cải cách triệt để cơ quan ngoại giao, Thủ tướng phải chỉ đạo chặt chẽ cơ quan này và yêu cầu đưa ra một chiến lược đối ngoại mang tính thời đại.

Để đáp lại yêu cầu dư luận và đòi hỏi của xã hội, làm cho ngoại giao Nhật Bản có sức sống hướng tới thế kỷ 21, tháng 4/2001 khi ông Koizumi bắt đầu nhiệm kỳ Thủ tướng, ông đã tuyên bố sẽ cải cách công tác đối ngoại. Tháng 9 năm đó, ông thành lập “Tổ nghiên cứu quan hệ đối ngoại” để giúp Thủ tướng công tác này. Sau một năm nghiên cứu, ngày 28/11/2002, Tổ đã đệ trình lên Thủ tướng “ Báo cáo chiến lược cơ bản về công tác đối ngoại thế kỷ 21 của Nhật Bản”.

Nội dung cơ bản của báo cáo nói về vai trò chiến lược đối ngoại Nhật Bản trong thế kỷ 21. Trên cơ sở tư tưởng chỉ đạo của “ Thời đại mới, tư duy mới, đối ngoại mới”, Tổ nghiên cứu này đã phân tích một cách có hệ thống và sâu sắc bối cảnh quốc tế, chính sách đối ngoại của từng nước, các lĩnh vực cần phát triển giao lưu như an ninh, kinh tế, môi trường, năng lượng, văn hoá nghệ thuật, v.v... phá bỏ chủ nghĩa cục bộ trong nước,

tăng cường khả năng điều tiết của Chính phủ, bảo đảm lợi ích lâu dài của Nhật Bản. Báo cáo nghiên cứu này đã được dư luận xã hội cũng như Thủ tướng Koizumi đánh giá tốt. Nó phản ánh xu thế phát triển chung của các giới chính trị, thương mại, học giả, v.v... của Nhật Bản trong thế kỷ 21. Người ta có thể thông qua tài liệu này để tìm hiểu quan điểm chiến lược đối ngoại của Nhật Bản trong thế kỷ 21.

II. LỢI ÍCH QUỐC GIA LÀ TỐI THƯỢNG

Mấy năm nay, ở Nhật Bản đã diễn ra nhiều cuộc thảo luận về việc điều chỉnh chiến lược đối ngoại mà tập trung ở vấn đề nội dung của “lợi ích quốc gia” và làm thế nào để tăng cường “lợi ích quốc gia”. Đây là một trong những vấn đề được xã hội rất quan tâm. Nội dung chủ yếu của báo cáo trên cũng tập trung nhấn mạnh đến “lợi ích quốc gia,” hơn nữa, nó còn thể hiện xu thế phát triển trong chiến lược ngoại giao của Nhật Bản.

Trong xã hội hiện đại, bảo vệ và thúc đẩy “lợi ích quốc gia” là điểm xuất phát cơ bản đồng thời cũng là nội dung thực chất trong chiến lược đối ngoại của mọi quốc gia. Nhưng do thể chế chính trị, truyền thống lịch sử văn hoá khác nhau mà việc xử lý các mối quan hệ quốc tế cũng không giống nhau. Cho nên không phải tất cả các quốc gia đều ghi rõ và nhấn mạnh bằng văn bản “lợi ích quốc gia” của mình. Ngay như Nhật Bản từ thời Minh Trị duy tân đến kết thúc Thế chiến thứ II, bảo vệ và mở rộng “lợi ích quốc gia” luôn là khẩu hiệu chính trị đi cùng với đội quân xâm lược Nhật Bản có mặt tại

hầu hết các nước châu Á. Nhưng sau chiến tranh, xã hội Nhật Bản đã hết sức thận trọng khi dùng từ ngữ này. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là chính sách ngoại giao của Nhật Bản coi nhẹ lợi ích quốc gia.

Sau chiến tranh lạnh, do tình hình quốc tế thay đổi và Nhật Bản chủ trương trở thành “một quốc gia bình thường” thì khái niệm “lợi ích quốc gia” lại được sử dụng nhiều hơn. Để thiết lập một chiến lược phát triển đất nước trong thế kỷ 21, tháng 3/1999 nhiều hội thảo về chủ đề “ý tưởng về một Nhật Bản trong thế kỷ 21” đã được tổ chức. Nội dung những cuộc hội thảo được tập hợp, đến tháng 1/2000 đã đệ trình lên Thủ tướng. Tư tưởng chủ đạo trong các cuộc hội thảo đều nhấn mạnh đến “lợi ích quốc gia” của Nhật Bản, đồng thời phản đối việc đi tìm kiếm những lợi ích nhỏ bé, ngắn hạn trước mắt. Nội dung của “lợi ích quốc gia” được tập trung vào 4 vấn đề sau đây:

- Bảo vệ hoà bình và an ninh của Nhật Bản; Bảo vệ tự do, dân chủ, nhân quyền; Bảo vệ cơ chế mậu dịch tự do; Tích cực thúc đẩy giao lưu giữa nhân dân Nhật Bản với nhân dân các nước trên các lĩnh vực học thuật, văn hoá và giáo dục.

Như vậy, có thể thấy “lợi ích quốc gia” của Nhật Bản tập trung vào các lĩnh vực an ninh, kinh tế, chính trị và văn hoá. Để thực hiện được những nội dung trên báo cáo đã đề xuất một loạt kiến nghị:

Trên lĩnh vực an ninh, nhấn mạnh đến liên minh quân sự và an ninh với Mỹ. Tận dụng sức mạnh của lực lượng phòng vệ quân sự để bảo vệ hoà bình, tham gia đội

quân gìn giữ hoà bình của Liên hiệp quốc (LHQ), tham gia tái thiết ở các nước bại trận, thông qua đó để nâng cao vai trò của Nhật Bản.

Về chính trị, ủng hộ tự do, dân chủ và nhân quyền, tích cực tham gia viện trợ nhân đạo. Ưu tiên viện trợ cho các nước có thành tích trong tiến trình dân chủ hoá ở châu Á.

Trên lĩnh vực kinh tế, tích cực tham gia Hiệp định Thương mại (FTA) với các nước liên quan, mở rộng thị trường hơn nữa. Chú trọng phát triển các ngành nghề có giá trị cao.

Về văn hoá, tăng cường giao lưu với các nước, nhằm thúc đẩy thế giới hiểu rõ một cách toàn diện văn hoá, xã hội Nhật Bản.

Từ năm 2003 đến nay “ lợi ích quốc gia” của Nhật Bản đã có bước tiến nhanh chóng và rõ nét. Trên lĩnh vực an ninh quốc phòng cũng có bước đột phá. Trong nước, Nhật Bản đã sửa đổi Hiến pháp; tạo điều kiện cho những bước đi xa hơn. Nhật Bản cũng đang ráo riết vận động để trở thành ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an của LHQ. Còn trên lĩnh vực kinh tế, Nhật Bản đã chủ động ký kết với nhiều nước về xây dựng các khu mậu dịch tự do.

III. TÍNH TỰ CHỦ NGÀY CÀNG CAO

Là nước “bảo hộ” Nhật Bản về an ninh quân sự từ trước đến nay, Mỹ chiếm vai trò đặc biệt trong chính sách đối ngoại của nước này. Điều này cho đến nay vẫn không có gì thay đổi.

Tuy nhiên, đứng trước những thay đổi sâu sắc của tình hình quốc tế, Nhật Bản

cũng đã có những biểu hiện tự chủ hơn trong chính sách đối ngoại của mình. Xuất phát từ 2 yếu tố: một là, tình hình quốc tế và khu vực thay đổi nhanh chóng cộng với yếu tố địa - chính trị đã làm cho lợi ích của 2 nước khác biệt nhau ngày càng tăng. Thế giới đang phát triển theo chiều hướng đa dạng và nhiều màu sắc. Mỹ - Nhật dù có cùng quan niệm giá trị, không đe dọa lãnh thổ của nhau, lợi ích quốc gia tương tự nhau, nhưng không phải hoàn toàn đồng nhất. Về lợi ích an ninh, Nhật Bản cũng chỉ là một trong số gần 40 quốc gia đồng minh của Mỹ chứ không phải là đồng minh duy nhất. Cho nên mục tiêu lợi ích cũng không giống nhau. Khi xử lý vấn đề các khu vực (như châu Á, Trung Đông) 2 nước cũng không hoàn toàn nhất trí. Những khác nhau về lợi ích này là nhân tố rất quan trọng khiến cho chính sách đối ngoại của Nhật Bản càng có xu hướng độc lập hơn.

Ngoài ra, khuynh hướng theo chủ nghĩa đơn phương và vị trí siêu cường của Mỹ làm cho chính sách đối ngoại của Nhật Bản luôn bị sức ép và phải điều chỉnh liên tục. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, xuất phát từ nhu cầu tập hợp các đồng minh để chống Liên Xô, nhiều nước buộc phải nghe theo Mỹ. Nhưng sau khi Liên Xô tan rã, Mỹ độc chiếm vị trí siêu cường, tự quyết định việc sử dụng vũ lực can thiệp vào các nước. Từ năm 1997 đến nay, Mỹ liên tục gạt bỏ ý tưởng về xây dựng “Quỹ tiền tệ châu Á” do Nhật Bản đề xuất, rồi rút khỏi Nghị định thư Kyôtô, rút khỏi Hiệp ước chống đạn đạo. Trong vấn đề Irắc, thực tế Mỹ đã coi thường ý kiến cũng như lợi ích của các nước

đồng minh trong đó có Nhật Bản. Thái độ của Mỹ chẳng những bị đồng minh châu Âu phê phán mà tại nước Nhật, Chính phủ cũng bị dư luận chất vấn và phê phán. Mỹ lúc nào cũng coi Nhật Bản là đồng minh thân cận thứ 2, sau Anh; nhưng 2 nước này có lợi ích rất khác nhau. Cho nên hy vọng 2 nước này có lập trường hoàn toàn giống nhau sẽ là điều không thực tế.

Ngoài hai yếu tố trên, những cạnh tranh và mâu thuẫn trên lĩnh kinh tế cũng là nhân tố quan trọng khiến Nhật Bản phải có tính độc lập. Từ cuối những năm 80 của thế kỷ trước, do ưu thế của kinh tế Nhật cũng như những cạnh tranh quyết liệt trong thương mại giữa hai nước đã khiến quan hệ song phương xấu đi rõ rệt. Từ nửa cuối những năm 1990, kinh tế Mỹ có bước khởi sắc, kinh tế Nhật lại trì trệ, mâu thuẫn có phần giảm xuống. Nhưng về lâu dài, kinh tế Nhật sẽ phục hồi và phát triển, mâu thuẫn lại xuất hiện, đây cũng là nhân tố buộc Nhật Bản phải độc lập hơn trong chính sách đối ngoại của mình.

IV. COI TRỌNG VIỆC XỬ LÝ QUAN HỆ ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC LÁNG GIỀNG

Coi trọng xử lý mối quan hệ láng giềng với các nước Trung Quốc, bán đảo Triều Tiên cũng như khu vực Đông Nam Á là đặc điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản thế kỷ 21.

1. Với Trung Quốc: Từ sau chiến tranh lạnh, thay đổi có ý nghĩa chiến lược nhất trong khu vực chính là sự phát triển vượt bậc của Trung Quốc. Đây là điều mà Nhật Bản phải đối mặt kể từ hơn nửa thế kỷ nay

tại khu vực này. Đối phó thế nào với Trung Quốc ở những thập niên đầu thế kỷ 21 đang là vấn đề quan trọng nhất trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản. Đối với hai chính phủ, nhiệm vụ trước mắt của họ là không để những khác biệt quan điểm nổi rộng thêm nữa. Giảm bớt những ảnh hưởng của vấn đề lịch sử. Về vấn đề này, phía Nhật Bản cần chủ động hơn. Trong vấn đề Đài Loan, nếu Nhật Bản cứ tiếp tục ủng hộ Đài Loan thì quan hệ với Trung Quốc chắc chắn sẽ khó có bước phát triển được. Cả hai vấn đề lịch sử và Đài Loan vẫn chưa có đáp số rõ ràng.

2. Chính sách đối ngoại đối với vấn đề bán đảo Triều Tiên

Xuất phát từ yếu tố địa lý, xử lý trước những thay đổi trên bán đảo Triều Tiên cũng là một trong những nội dung quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản. Từ sau chiến tranh lạnh đến nay, Nhật Bản chẳng những đã tăng cường quan tâm và tham dự nhằm góp phần giải quyết vấn đề này mà còn chủ động cải thiện quan hệ với cả Bắc và Nam Triều Tiên, nhưng kết quả vẫn chưa được là bao.

Quan hệ Nhật - Hàn; phát triển quan hệ với Hàn Quốc là phù hợp với lợi ích chiến lược của Nhật Bản. Hai nước đều có nền dân chủ và kinh tế thị trường giống nhau và là đồng minh của Mỹ, đều có mục đích chung là đối phó với Bắc Triều Tiên. Có thể nói, Hàn Quốc là bạn chiến lược quan trọng nhất của Nhật Bản tại khu vực này. Về mặt chiến lược, tăng cường quan hệ với Hàn Quốc còn có ý nghĩa là để đối phó với sự lớn mạnh của Trung Quốc. Trước mắt, hai

nước đang cố gắng để sớm ký kết Hiệp định xây dựng khu vực mậu dịch tự do song phương. Khu mậu dịch tự do này ra đời, chẳng những kinh tế đã nhất thể hoá mà cũng nhất thể hoá luôn cả ý thức hệ tư tưởng, đồng thời cũng giải quyết được cả những vấn đề do lịch sử để lại. Thứ hai, Nhật Bản hy vọng đẩy mạnh quan hệ với Hàn Quốc sẽ tạo nên tam giác Nhật- Mỹ - Hàn để đối phó hữu hiệu với Bắc Triều Tiên. Lúc đó lợi ích của Nhật Bản sẽ còn tăng hơn nữa.

3. Chính sách đối với các nước Đông Nam Á:

Các quốc gia Đông Nam Á nằm trên con đường chiến lược vận tải biển của Nhật Bản. Duy trì sự ổn định khu vực này là cực kỳ quan trọng đối với lợi ích an ninh và kinh tế của Nhật Bản. Kịp thời điều chỉnh chính sách đối với Đông Nam Á luôn là bộ phận cấu thành quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản. Sau Chiến tranh Thế giới thứ II, thông qua con đường bồi thường chiến tranh, Nhật Bản đã có mối quan hệ khá rộng rãi về kinh tế và chính trị với nhiều nước Đông Nam Á. Đồng thời biến khu vực này thành vũ đài có ảnh hưởng kinh tế- chính trị lớn nhất của mình. Sau chiến tranh lạnh, ảnh hưởng về kinh tế, chính trị của Hiệp hội ASEAN ngày càng tăng, vai trò vị trí của Nhật Bản cũng được nâng cao. Tháng 1/2002 khi đi thăm Singapo, Thủ tướng Koizumi đã đề xuất ý tưởng xây dựng “ Cộng đồng Đông Á”, mong muốn bằng tăng cường hợp tác với các nước ASEAN trên các lĩnh vực mậu dịch, đầu tư, năng lượng, đào tạo nhân lực, cả lĩnh vực an ninh

truyền thống và phi truyền thống để thúc đẩy tiến trình nhất thể hoá khu vực. Để thực hiện mục tiêu này, trước hết Nhật Bản ưu tiên quan hệ với 5 quốc gia thành viên cũ (Indônêxia, Singapo, Malaixia, Thái Lan và Philippin). Tháng 12/2003, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN- Nhật Bản đã thông qua “Tuyên ngôn Tôkyô” nhấn mạnh trên cơ sở hợp tác kinh tế sẽ phát triển thành hợp tác chính trị và an ninh. Nhật Bản còn tỏ ý muốn tham gia vào “ Hiệp ước hợp tác hữu nghị Đông Nam Á” để phát triển quan hệ song phương toàn diện hơn.

Như vậy có thể thấy, Nhật Bản chú trọng phát triển quan hệ kinh tế, chính trị với các nước ASEAN , chủ yếu là muốn mở rộng ảnh hưởng chính trị và lợi ích kinh tế , nhưng đồng thời cũng còn có ý nghĩa chiến lược làm đối trọng với Trung Quốc tại khu vực này.

Trong toàn bộ chiến lược đối ngoại cho những thập niên đầu thế kỷ 21 của Nhật Bản , chúng ta thấy nổi lên “ 3 trụ cột” chính , đó là Nhật Bản nhấn mạnh “Lợi ích quốc gia,” tăng cường “ Tính tự chủ trong ngoại giao ” và phản đối “ Mất ổn định khu vực”. Những tư tưởng chiến lược đó phản ánh Nhật Bản muốn tăng cường sức mạnh của mình, nâng cao vị trí, vai trò quốc tế, phát huy hơn nữa ảnh hưởng của mình đối với thế giới, đặc biệt là ở khu vực Đông Á. Từ đó, hy vọng đại diện khu vực để trở thành uỷ viên thường trực Hội đồng Bảo an LHQ ./.
